TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/3/2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

Ông Lê Văn Phu

Thư kY ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư kY Tòa án nhân dân huyện An Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị X, sinh năm 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, ấp BBT, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn*: Ông Lê Văn B, sinh năm: 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, ấp BBT, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà X trình bày: Hôn nhân của bà và ông B xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 19/9/2007. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B cờ bạc, rượu chè không quan T chăm sóc vợ con, thường đánh đập bà, cuộc sống chung không hợp, từ đó cả hai không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay xin ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/01/1996, Lê Thị Như Y, sinh ngày 12/11/2009 hiện đang sống chung với bà X. Nay ly hôn, yêu cầu nuôi 02 cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn B không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà X. Không tham gia các buổi hoà giải, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ.

Cháu Lê Thị Như Y có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Bà X bảo lưu lời trình bày của mình.

Ông B đồng ý ly hôn, xin được quyền thăm nom con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư kY phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng quá trình hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư kY phiên toà không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà X và ông B có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Do cháu T đã trưởng thành nên không xem xét. Giao cháu Như Y cho bà X nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà X, ông B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà X phải chịu án phí về hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà X khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con chung với ông B, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà X và ông B xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà X xin ly hôn với ông B thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông B không quan T chăm sóc vợ con và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay, thời gian không chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình. Ông B đã được tống đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà X, không tham gia hoà giải để tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình. Tại phiên toà bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B, không đồng ý đoàn tụ và ông B cũng đồng ý ly hôn vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà X là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng: Cháu Lê Thị Như Y cho biết hiện cháu đang sống với mẹ và có nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Lê Chí T, tại thời điểm giải quyết vụ án đã trên 18 tuổi nên không xem xét. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tránh việc thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng cho sự phát triển ổn định về T, sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Như Y cho bà X được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng…được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà X, ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà X và ông B có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị X được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung: Bà X được tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Thị Như Y, sinh ngày 12/11/2009 hiện đang sống chung với bà X.

Ông B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà X và người thân thích trong gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011656 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Giấy chứng nhận đăng kY kết hôn số 73, thuộc Quyển số 01 do của Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 19/9/2007 không còn giá trị pháp lY khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bảo

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã QT, AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.